

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày 29 - 12 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Dũng; bà H'Jen Niê.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà V T H H sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Có mặt.

- Bị đơn: bà H BL sinh năm 1966. Địa chỉ: buôn C, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà VTH H trình bày:

Do có sự quen biết, bà H BL đã nhiều lần vay tiền của bà H, nhưng đã trả đầy đủ. Ngày 12/6/2018, bà H BL ký giấy vay của bà H 17.000.000đồng, thỏa thuận miệng thời gian vay ngắn hạn và lãi 2%/tháng. Ngày 15/01/2019, bà H BL tự viết nội dung vào giấy vay tiền (mẫu in sẵn), theo đó bà H BL vay bà H 145.000.000đồng với mục đích để đảo nợ ngân hàng, thời hạn trả nợ ngày 25/01/2019, lãi suất hai bên tự thỏa thuận miệng 2%/tháng. Sau khi trả nợ cho ngân hàng, bà H BL không làm

hồ sơ vay lại tiền của ngân hàng để trả nợ cho bà H, mà làm thủ tục chuyển nhượng đất cho con gái. Ngoài ra, bà H BL có thuê bà H làm giúp bìa đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), nhưng thửa đất là của Lâm trường, nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi khởi kiện tại Tòa án, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H BL trả nợ. Bà H BL có ý định trả nợ cho bà H bằng phương thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H với giá cao, nên bà H không chấp nhận.

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2021, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà H BL phải trả cho bà H 162.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh 20%/năm đến ngày trả nợ xong, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 78.691.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà H BL phải trả cho bà H 162.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật, nếu tiền lãi theo quy định của pháp luật thấp hơn so với yêu cầu theo đơn khởi kiện, thì bà H rút yêu cầu đối với số tiền lãi vượt quá theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 05/8/2021, bị đơn là bà H BL trình bày (bà H M Niê viết giúp):

Bà H BL không vay tiền, không nhận tiền vay của bà H mà chỉ được bà H giới thiệu rằng bà H có khả năng làm được bìa đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Do đó, bà H BL nhờ bà H làm bìa đỏ cho 02ha đất rẫy, với chi phí 30.000.000 đồng/ha, nhưng sau đó bà H không làm được, nên bà H BL không đồng ý trả phí. Ngoài ra, bà H BL được bà H giới thiệu mua bảo hiểm, bà H BL nói không có tiền mua, nhưng bà H tự làm hợp đồng và tự đăng ký tên bà H BL được hưởng quyền lợi bảo hiểm. Bà H BL không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Theo biên bản xác minh ngày 16/8/2021, tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện M'Đrăk (Ngân hàng), thể hiện: Ngày 28/4/2017, bà H BL vay Ngân hàng 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 27/4/2020. Ngày 15/5/2018 bà H BL đã trả xong nợ cho Ngân hàng. Ngày 12/6/2018, bà H BL vay Ngân hàng 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 07/6/2021. Ngày 26/7/2018, bà H BL đã trả xong nợ cho Ngân hàng. Từ sau ngày 26/7/2018, bà H BL không phát sinh thêm lịch sử vay, trả tại Ngân hàng. Do khoản vay đã tất toán, nên Ngân hàng không còn lưu trữ hồ sơ, tài liệu vay vốn của bà H BL.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng theo đúng quy định của BLTTDS, bị đơn không chấp hành các quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H BL phải trả 162.000.000đồng tiền vay và 78.691.000đồng tiền lãi (lãi 20%/năm). Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H rút một phần trong yêu cầu tiền lãi phát sinh trên số tiền bị đơn bà H BL nợ gốc 20%/năm, mà chỉ yêu cầu tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Yêu cầu và thay đổi một phần yêu cầu của nguyên đơn bà H là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H: Buộc bà H BL phải trả cho bà H 162.000.000đồng tiền vay gốc và 43.000.000đồng tiền lãi; Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà H BL phải trả 35.621.000đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[1.1] Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn H BL phải trả cho bà H 162.000.000đồng tiền vay cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay tài sản ngày 12/6/2018 và Giấy vay tiền ngày 15/01/2019. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

[1.2] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn bà H BL. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho bà H BL. Ngày 05/8/2021, bà H BL đến Tòa án để làm việc, bà H BL đã nhờ chị H M Niê (con của bà H BL) viết bản tự khai giúp. Theo đó, bà H BL trình bày không vay tiền của bà H, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Nhưng sau đó, bà H BL không đến Tòa án để đối chất, hòa giải với bà H. Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng bà H BL đều từ chối nhận và vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Vụ án được đưa ra xét xử lần thứ nhất vào ngày 22/12/2021 nhưng bà H BL vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX ra quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H rút một phần trong yêu cầu tiền lãi phát sinh trên số tiền bị đơn bà H BL nợ gốc là 20%/năm, mà chỉ yêu cầu tính tiền lãi phát sinh do bị đơn bà H BL vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật. Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà H về yêu cầu tiền lãi 20%/năm, trên số nợ gốc, chênh lệch với tiền lãi theo quy định của pháp luật, được HĐXX chấp nhận.

[2]. Về nội dung.

[2.1] Về số tiền vay:

Nguyên đơn bà H cung cấp cho Tòa án: Hợp đồng cho vay tài sản ngày 12/6/2018, theo đó bà H BL là bên vay, bà H là bên cho vay, số tiền vay 17.000.000đồng, hợp đồng có ký và ghi rõ họ tên H BL, được ký hiệu là A1; Giấy vay tiền ngày 15/01/2019, theo đó bà H BL là bên vay, bà H là bên cho vay, số tiền vay 145.000.000đồng, có chữ ký và ghi rõ họ tên H BL, được ký hiệu là A2.

Quá trình tố tụng, bà H BL không đến Tòa án để đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ có mẫu chữ ký của bà H BL đang được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã EaLai, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk (nơi bà H BL ký các văn bản giao dịch, làm việc), bao gồm: Biên bản làm việc đề ngày 31/5/2018, hòa giải về việc bà H BL nợ tiền vay và nợ tiền đặt tiệc cưới của bà N T M, có chữ ký và ghi họ tên bà H BL được ký hiệu là M1; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (bên tặng cho bà HBL, bên được tặng cho bà H T N) được UBND xã EaLai chứng thực ngày 31/7/2018, có chữ ký và ghi họ tên bà H BL, được ký hiệu là M2.

Theo Kết luận giám định số 176/KLGD-PC09 ngày 04/11/2021 và Công văn số 2100/PC09-Đ2 ngày 18/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, thì: Chữ ký mang tên H BL trên các tài liệu cần giám định ký hiệu là A1, A2 so với chữ ký mang tên H BL trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký ra. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Ngày 12/6/2018 bà H BL ký giấy vay bà H 17.000.000đồng và ngày 15/01/2019 bà H BL ký giấy vay bà H 145.000.000đồng là có thực.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS) quy định “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Xét thấy, yêu cầu của bà H, yêu cầu bà H BL phải trả tổng số tiền theo 02 giấy vay tiền nêu trên là có cơ sở, HĐXX cần buộc bà H BL phải trả cho bà H 162.000.000đồng tiền vay.

[2.2] Về tiền lãi và trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Tại Điều 357 BLDS quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Đối với Hợp đồng cho vay tài sản ngày 12/6/2018, nội dung thể hiện bà H cho bà H BL vay 17.000.000đồng, các bên không thỏa thuận cụ thể về thời hạn và lãi suất. Do vậy, được coi là hợp đồng vay không kỳ hạn và không lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 BLDS thì “ Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”. Bà H không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, bà H BL vi phạm nghĩa vụ trả nợ của khoản vay này vào thời điểm nào, nên bà H BL chỉ phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà H khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với Giấy vay tiền ngày 15/01/2019, nội dung thể hiện bà H cho bà H BL vay 145.000.000đồng, các bên thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ là ngày 25/01/2019, vay có lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất. Tại Điều 468 BLDS quy định “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”. Do vậy, bà H BL phải có nghĩa vụ trả tiền lãi trong hạn từ ngày 15/01/2019 đến ngày 25/01/2019 cho bà H là 10%/năm. Do bà H BL vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà H BL phải chịu lãi suất quá hạn, theo điểm b khoản 5 Điều 466 BLDS quy định “5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:...b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Cụ thể, bà H BL phải trả cho bà H tiền lãi của khoản tiền vay 145.000.000đồng, như sau:

- Lãi trên nợ gốc trong hạn: Từ ngày 15/01/2019 đến ngày 25/01/2019 là (10 ngày x 145.000.000đồng x 10%) : 365 ngày = 397.260 đồng⁽¹⁾

- Lãi trên nợ gốc quá hạn: Từ ngày 26/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/12/2021 là (1068 ngày x 145.000.000đồng x 15%) : 365 ngày = 63.641.095đồng⁽²⁾.

Tổng tiền lãi bà H BL phải trả cho bà H là 64.038.355đồng⁽¹⁺²⁾, lấy tròn số là 64.038.000đồng.

Tổng cộng, buộc bị đơn bà H BL phải trả cho nguyên đơn bà H 226.038.000đồng, bao gồm 162.000.000đồng nợ gốc và 64.038.000đồng tiền lãi.

[2.3] HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà H BL phải trả 14.653.000đồng tiền lãi (78.691.000đồng tiền lãi yêu cầu theo đơn khởi kiện - 64.038.000đồng tiền lãi được HĐXX chấp nhận).

[3] Về chi phí giám định: tổng số tiền chi phí cho chi phí giám định là 5.060.000đồng. Bà H đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.060.000đồng. Do vậy, bà H BL phải trả cho bà H 5.060.000đồng tiền chi phí giám định.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được HĐXX chấp nhận, nên bị đơn bà H BL phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.301.900đồng (= 226.038.000đồng x 5%). Tuy nhiên, bà H BL là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, bà H BL được miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, điểm b khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ Luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V T H H:

1.1. Buộc bà H BL phải trả cho bà VT H H 226.038.000đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm ba mươi tám ngàn đồng*), bao gồm 162.000.000đồng nợ gốc và 64.038.000đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V T H H yêu cầu bị đơn bà H BL Niê phải trả 14.653.000đồng tiền lãi.

2. Về chi phí giám định: tổng số tiền chi phí cho chi phí giám định là 5.060.000đồng. Bà H đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.060.000đồng. Buộc bà H BL phải trả cho bà V T H H 5.060.000đồng tiền mà bà H nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

3. Về án phí:

- Bà H BL được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà V T H H 6.018.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005135 ngày 09/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương